**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**
Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

*Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC*
*ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính*
*Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC*
*ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Quý 1 năm 2011**

Đơn vị tính:VNĐ

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Này | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| **I.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán** | | | |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | ***(99,170,231,441)*** | ***359,898,419,376*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** | | ***229,301,776,162*** | ***(270,798,258,054)*** |
| - | Khấu hao tài sản cố định | 02 | 5,622,244,472 | 5,069,725,938 |
| - | Các khoản lập dự phòng | 03 | 181,163,438,049 | (7,227,792,958) |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - | - |
| - | Lãi lỗ hoạt động đầu tư | 05 | 24,738,315,865 | (272,195,767,034) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | 17,777,777,776 | 3,555,576,000 |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***130,131,544,721*** | ***89,100,161,322*** |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 317,369,637,695 | (280,299,345,259) |
| - | Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn | 10 | 625,081,229,613 | (139,565,806,669) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (78,662,060,666) | (95,871,245,793) |
| - | Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | 4,125,982,369 | (1,112,478,034) |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 13 | (79,908,486,157) | (29,905,147,733) |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (17,009,599,575) | (36,493,516,306) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | - |
| - | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (26,324,232,087) | (4,837,730,403) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***874,804,015,913*** | ***(498,985,108,875)*** |
| **II.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khá | 21 | (90,624,534,363) | (6,529,732,871) |
| 2. | Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài han khác | 22 | 600,000,000 | 13,000,000 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (67,549,500,000) | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác | 26 | 50,549,452,739 | 20,725,698,630 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 27 | (42,949,401,670) | (228,291,272,793) |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 28 | 13,439,869,035 | 593,939,158,033 |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 29 | 20,464,643,930 | 12,439,530,103 |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***(116,069,470,329)*** | ***392,296,381,102*** |

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **III.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | |
| 1. | Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 963,585,000 |
| 2. | Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số | | - | |
| 3. | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | (85,816,286,000) | - |
| 4. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận | 33 | - | 2,000,000,000,000 |
| 5. | Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư | 34 | - | - |
| 6. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 35 | (2,000,000,000,000) | - |
| 7. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 36 | - | - |
| 8 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 37 | (19,082,000) | (153,060,645,000) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | ***(2,085,835,368,000)*** | ***1,847,902,940,000*** |
| | **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ** | **50** | **(1,327,100,822,416)** | **1,741,214,212,227** |
| | **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **60** | **2,969,211,607,542** | **2,650,001,084,717** |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | |
| | **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ** | **70** | **1,642,110,785,126** | **4,391,215,296,944** |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2011

| Người Lập Biểu | Kế Toán Trưởng | P. Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| Đoàn Thị Thu Giang | Hoàng Thị Minh Thủy | Nguyễn Hồng Nam |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN